



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 256 + 257

Ngày 01 tháng 11 năm 2023

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

19-9-2023- Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

4

19-9-2023- Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ban hành Quy định về hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh cho vay thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

11

19-9-2023-	Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ điều trị tật khúc xạ mắt đối với công dân đăng ký thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.	14
19-9-2023-	Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND quy định nội dung chi, mức chi một số hoạt động y tế - dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2025.	17
19-9-2023-	Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND quy định về nội dung chi và mức chi giải thưởng cuộc thi, liên hoan, cuộc vận động sáng tác trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp.	20
19-9-2023-	Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND quy định mức chi triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” tại Thành phố Hồ Chí Minh.	23
19-9-2023-	Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	30
19-9-2023-	Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND về ban hành mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	33
19-9-2023-	Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hóa.	38

- 
- 19-9-2023- Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND quy định trình tự, thủ tục chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa có quy mô dưới 500 ha để thực hiện dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 41
- 19-9-2023- Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. 47

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 09-10-2023- Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. 58

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

### NGHỊ QUYẾT

**Quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15  
ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế,  
chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV;*

*Xét Tờ trình số 4601/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 847/BC-HĐND-BPC ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng cho:

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý.

2. Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách thuộc Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố.

4. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp ký hợp đồng lao động thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ theo quy định của pháp luật thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, một số hội có tính chất đặc thù do Thành phố quản lý được quy định tại khoản 5 Điều này và một số cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố được quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Người được tuyển dụng vào làm việc theo chỉ tiêu biên chế được giao trong các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn Thành phố đã được cấp có thẩm quyền giao số lượng người làm việc và kinh phí hoạt động theo quy định pháp luật được nêu sau đây:

a) Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố.

b) Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Thành phố.

c) Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Thành phố.

d) Liên minh Hợp tác xã Thành phố.

đ) Hội Nhà báo Thành phố.

e) Hội Chữ thập đỏ Thành phố và Hội Chữ thập đỏ cấp huyện.

6. Công chức đang làm việc tại các cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố được nêu sau đây:

a) Sở Ngoại vụ Thành phố.

b) Cục Thống kê Thành phố và Chi cục Thống kê cấp huyện.

c) Cục Quản lý thị trường Thành phố.

d) Tòa án nhân dân Thành phố và Tòa án nhân dân cấp huyện.

đ) Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố và Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện.

e) Cục Thi hành án dân sự Thành phố và Chi cục thi hành án dân sự cấp huyện.

g) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

h) Cục Thuế Thành phố và các Chi cục Thuế trực thuộc.

i) Cục Hải quan Thành phố và các Chi cục Hải quan trực thuộc.

k) Kho bạc Nhà nước Thành phố và Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

l) Bảo hiểm xã hội Thành phố.

### **Điều 3. Mức chi thu nhập tăng thêm**

1. Chi thu nhập tăng thêm theo hệ số căn cứ vào mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ đối với:

a) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi Thành phố quản lý.

b) Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách thuộc Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố.

d) Công chức đang làm việc tại các cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố nêu tại điểm a, b và c khoản 6 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Chi thu nhập tăng thêm theo mức tiền cụ thể đối với:

a) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp ký hợp đồng lao động thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ theo quy định của pháp luật thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, một số hội có tính chất đặc thù do Thành phố quản lý nêu tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này và các cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố nêu tại khoản 6 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Người được tuyển dụng vào làm việc theo chỉ tiêu biên chế được giao trong các hội có tính chất đặc thù nêu tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này.

c) Công chức đang làm việc tại các cơ quan trung ương trên địa bàn Thành phố nêu tại điểm d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 6 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Mức chi thu nhập tăng thêm tối đa là 1,8 lần mức lương ngạch, bậc, chức vụ và chi thu nhập tăng thêm không vượt quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, cụ thể như sau:

a) Đối với 05 tháng cuối năm 2023:

- Đối với các đối tượng được chi thu nhập tăng thêm theo hệ số căn cứ vào mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ: Hệ số chi thu nhập tăng thêm tối đa là 0,8 lần so với tiền lương ngạch bậc, chức vụ.

- Đối với các đối tượng được chi thu nhập tăng thêm theo mức tiền cụ thể: mức chi tối đa 03 triệu đồng/người/tháng.

b) Từ năm 2024 đến hết thời gian thí điểm của Nghị quyết số 98/2023/QH15:

Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định mức chi thu nhập tăng thêm theo hệ số và theo mức tiền cụ thể đối với các đối tượng nêu tại Điều 2 Nghị quyết này trong dự toán ngân sách hàng năm trình Hội đồng nhân dân Thành phố.

**Điều 4. Kinh phí thực hiện**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Kinh phí thực hiện chi thu nhập tăng thêm từ nguồn cải cách tiền lương còn dư của Thành phố, cụ thể như sau:

1. Đối với 05 tháng cuối năm 2023:

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn cải cách tiền lương được cân đối trong dự toán năm 2023.

2. Từ năm 2024 đến hết thời gian thí điểm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội:

Khi xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, sau khi Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền; trên cơ sở nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố và quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố bố trí dự toán chi thu nhập tăng thêm trong dự toán ngân sách.

**Điều 5. Thời gian thực hiện chính sách**

Chính sách chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết này được thực hiện từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 đến hết thời gian thí điểm của Nghị quyết số 98/2023/QH15.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Kịp thời triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

b) Quy định, hướng dẫn tiêu chí đánh giá theo tính chất công việc; có chỉ số đo lường để đánh giá hiệu suất làm việc đối với cá nhân để làm cơ sở chi thu nhập tăng thêm đảm bảo nguyên tắc theo kết quả, hiệu quả công việc nhằm nâng cao hiệu suất làm việc, năng suất lao động tương xứng với giá trị sức lao động và đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; gắn với cải cách hành chính, tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; giao thẩm quyền thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định, chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Thành phố và phải công khai, dân chủ, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

c) Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi Thành phố quản lý được áp dụng quy định này để chi thu nhập tăng thêm cho người được ký kết hợp đồng lao động để làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở vị trí việc làm do viên chức đảm nhiệm theo nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của đơn vị, từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định pháp luật, không sử dụng ngân sách Thành phố.



d) Định kỳ hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả thực hiện và nguồn cải cách tiền lương còn dư của Thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 9 năm 2023.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố cụ thể:

a) Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý.

b) Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

c) Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập do Thành phố quản lý ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

d) Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định hệ số điều chỉnh tăng thu nhập năm 2022 đến hết thời gian thực hiện thí điểm theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội và sửa đổi khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

đ) Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định hệ số điều chỉnh tăng thu nhập năm 2023 đến hết thời gian thực hiện thí điểm theo Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định về hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được Công ty  
Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh cho vay thuộc lĩnh vực  
ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015  
và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6  
năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ điểm d khoản 8 Điều 5 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24  
tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù  
phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Xét Tờ trình số 4620/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định về hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh cho vay thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 862/BC-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh cho vay thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện:

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền phổ biến rộng rãi chính sách này đến doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị trong nước; đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan nhằm tạo điều kiện để việc tiếp cận chính sách được thuận lợi, kịp thời, minh bạch, hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của chính sách.

2. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết theo thẩm quyền; trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố thì báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 3. Điều khoản thi hành:**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về chính sách hỗ trợ điều trị tật khúc xạ mắt đối với công dân đăng ký  
thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp  
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành  
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12  
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số  
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một  
số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 4454/TTr-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ chi phí điều trị tật khúc xạ mắt đối với công dân đăng ký thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; Báo cáo thẩm tra số 752/BC-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định đối tượng, mức hỗ trợ chi phí điều trị tật khúc xạ mắt và phương thức hỗ trợ đối với công dân đăng ký thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Công dân thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, nhưng không đủ tiêu chuẩn tuyển quân theo quy định do có tật khúc xạ về mắt, tình nguyện điều trị tật khúc xạ và được bác sĩ chuyên khoa mắt thăm khám, đánh giá đủ tiêu chuẩn tuyển quân theo quy định sau khi điều trị tật khúc xạ mắt (bao gồm cả trường hợp sau khi phẫu thuật điều trị tật khúc xạ được khám và đánh giá không đủ tiêu chuẩn tuyển quân theo quy định do những biến chứng trong và sau phẫu thuật).

### **Điều 3. Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ**

1. Mức hỗ trợ: theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 9.800.000 đồng đối với trường hợp phẫu thuật 01 mắt và tối đa không quá 19.600.000 đồng đối với trường hợp phẫu thuật 02 mắt.

#### **2. Phương thức hỗ trợ:**

Ủy ban nhân dân Thành phố phân bổ kinh phí cho Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện để chi trực tiếp cho công dân (thuộc Điều 2, Nghị quyết này) theo chi phí phẫu thuật điều trị tật khúc xạ mắt thực tế với mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này.

Các đối tượng được thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết này đủ điều kiện tham gia nhưng không tham gia nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân theo quy định thì Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện có trách nhiệm thu hồi chi phí hỗ trợ và nộp ngân sách theo quy định.

**Điều 4. Nguồn kinh phí hỗ trợ**

Ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật;

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung chi, mức chi một số hoạt động y tế - dân số  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp  
luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành  
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12  
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số  
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một  
số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 4453/TTr-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân Thành phố quy định nội dung chi, mức chi một số hoạt động y tế - dân  
số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2025; Báo cáo thẩm  
tra số 755/BC-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội  
đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại  
kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi một số hoạt động y tế - dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2025.

**2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động y tế - dân số.

**Điều 2. Nội dung chi, mức chi**

Nội dung chi, mức chi một số hoạt động y tế - dân số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023- 2025, như sau:

**1. Chương trình phòng chống bệnh lây nhiễm****a) Chi hỗ trợ người làm môi và người đi bắt muối<sup>1</sup>.**

Mức hỗ trợ: 130.000 đồng/người/đêm

Đối tượng thụ hưởng: người lao động làm việc theo hợp đồng dịch vụ

**b) Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi**

Mức hỗ trợ: bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động

Đối tượng thụ hưởng: người lao động làm việc theo hợp đồng dịch vụ

**c) Chi hỗ trợ cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gây, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình).**

Mức hỗ trợ: 3.000 đồng/hộ/lần, mức hỗ trợ một ngày tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Đối tượng thụ hưởng: người lao động làm việc theo hợp đồng dịch vụ

---

<sup>1</sup> Người làm môi bắt muối là:

1. Người ngồi im lặng ở trong mùng, màn ngoài trời nơi bắt muối, để thu hút muỗi theo yêu cầu thông qua mùi và nhiệt độ cơ thể người.

2. Làm môi bắt muối với một phần chân tay để lộ ra ngoài khoảng 5 phút, 10 phút rồi 15, 20 phút lặp lại trong suốt thời gian bắt muối để thu hút muỗi theo yêu cầu và bắt được số muỗi theo đúng chủng loại yêu cầu.

Số muỗi bắt được sẽ được đưa về trung tâm, khoa để nghiên cứu, phân tích về định dạng muỗi, thành phần loại, mật độ muỗi; đánh giá hiệu quả của việc phun hóa chất, tẩm màn... nhằm phục vụ tốt công tác phòng chống sốt rét trên địa bàn.

2. Chương trình dân số và phát triển: chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng.

Mức hỗ trợ: 80.000 đồng/tin, bài từ 350 từ đến dưới 600 từ; 100.000 đồng/bài từ 600 từ trở lên.

Đối tượng thụ hưởng: cộng tác viên thực hiện biên tập các nội dung truyền thông.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí**

Nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về nội dung chi và mức chi giải thưởng cuộc thi, liên hoan,  
cuộc vận động sáng tác trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp  
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành  
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12  
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số  
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một  
số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 4473/TTr-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Nghị quyết mức chi giải thưởng  
cuộc thi, liên hoan, cuộc vận động sáng tác, trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật  
chuyên nghiệp; Báo cáo thẩm tra số 754/BC-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2023  
của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của  
đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về nội dung chi và mức chi giải thưởng cuộc thi, liên hoan, cuộc vận động sáng tác trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp do Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các tập thể, cá nhân đạt giải thưởng tại cuộc thi, liên hoan, cuộc vận động sáng tác trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3. Nội dung chi và mức chi giải thưởng cuộc thi, liên hoan, cuộc vận động sáng tác trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp**

1. 01 Cuộc vận động sáng tác và dàn dựng, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật hướng đến kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2025): nội dung chi và mức chi giải thưởng quy định tại Phụ lục số 1.

2. 01 Cuộc vận động sáng tác tác phẩm văn học nghệ thuật chuyên đề: nội dung chi và mức chi giải thưởng quy định tại Phụ lục số 2.

3. 01 Giải thưởng Văn học nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh: nội dung chi và mức chi giải thưởng quy định tại Phụ lục số 3.

4. 01 Liên hoan Âm nhạc quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh: nội dung chi và mức chi giải thưởng quy định tại Phụ lục số 4.

5. 01 Liên hoan Phim quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh: nội dung chi và mức chi giải thưởng quy định tại Phụ lục số 5.

6. 01 Liên hoan Phim ngắn Thành phố Hồ Chí Minh: nội dung chi và mức chi giải thưởng quy định tại Phụ lục số 6.

7. 01 Liên hoan Sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh: nội dung chi và mức chi giải thưởng quy định tại Phụ lục số 7.

8. 01 Liên hoan Ca, múa, nhạc Thành phố Hồ Chí Minh: nội dung chi và mức chi giải thưởng quy định tại Phụ lục số 8.

9. 01 Cuộc thi Tài năng diễn viên sân khấu cải lương Trần Hữu Trang: nội dung chi và mức chi giải thưởng quy định tại Phụ lục số 9.

**Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn chi thường xuyên theo quy định của pháp luật. Khuyến khích đơn vị tổ chức khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung thêm mức thưởng cho các cuộc thi, liên hoan, cuộc vận động.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết này. Hàng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo kết quả thực hiện cho Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố đồng thời báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân Thành phố sau khi kết thúc thời gian thực hiện.

Khi tổ chức các giải thưởng, cuộc thi, liên hoan, cuộc vận động sáng tác cần nghiên cứu đảm bảo nội dung thi, thể lệ thi các giải thưởng, cuộc thi, liên hoan, cuộc vận động sáng tác trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp không được trùng với nội dung thi, thể lệ thi Giải thưởng Sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời xem xét, phân bổ thời gian tổ chức các giải thưởng, cuộc thi, liên hoan, cuộc vận động sáng tác trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp trong giai đoạn từ nay đến hết ngày 31/12/2025 một cách hợp lý, đảm bảo việc tổ chức các giải thưởng hàng năm phù hợp và không trùng lặp (nhất là trong những năm có tổ chức giải thưởng Sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” tại Thành phố Hồ Chí Minh**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;*

*Thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;*

*Xét Tờ trình số 4597/TTr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về quy định mức chi triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” tại Thành phố Hồ Chí Minh;  
Báo cáo thẩm tra số 859/BC-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.*



**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết quy định mức chi triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Doanh nghiệp khởi nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất - kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (sau đây gọi là tổ chức hỗ trợ), hoạt động hiệu quả, đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp;

b) Tổ chức có ít nhất 01 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 01 tỷ đồng cho các nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Có quy trình hỗ trợ khởi nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thỏa thuận hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về đầu tư, đào tạo, huấn luyện, tư vấn cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3. Mức chi tổ chức sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

1. Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện (trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu và các chi phí khác liên quan): thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: mức hỗ trợ 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

3. Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành mức chi chế độ công tác phí, chế độ tổ chức Hội nghị



trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 4. Tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Áp dụng theo quy định tại Nghị quyết 07/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nội dung và mức chi cho các hội thi, cuộc thi sáng tạo khoa học công nghệ và kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 4. Mức chi phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

1. Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh: thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ. Trong đó:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện.

2. Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh:

a) Yêu cầu về trình độ, năng lực của chuyên gia thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Đối với chuyên gia trong nước: đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia 15 triệu đồng/chuyên gia/khóa đào tạo.

Trong trường hợp cần thiết phải tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu, dài ngày (từ 30 ngày trở lên), mức chi thuê chuyên gia 40 triệu đồng/chuyên gia/khóa đào tạo.

c) Đối với chuyên gia nước ngoài: đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình đào tạo căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc.

Mức chi trả cho chuyên gia nước ngoài do Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định sau khi đã thỏa thuận với chuyên gia theo hợp đồng và trong phạm vi dự toán được phê duyệt. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia nước ngoài: 50% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 5. Mức chi phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

Hỗ trợ 80 triệu đồng/nhiệm vụ/doanh nghiệp đối với nhiệm vụ tư vấn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Nội dung các hoạt động tư vấn được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Khoa học và Công nghệ.

#### **Điều 6. Mức chi đối với hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

1. Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của Việt Nam theo nhiệm vụ được thủ trưởng đơn vị cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Dự toán kinh phí đối với hoạt động truyền thông và phổ biến tuyên truyền được lập theo các quy định như sau:

a) Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết); chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử); chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình; chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm, chi truyền thông trên mạng xã hội: thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 8 Thông tư số 45/2019/TT-BTC.

b) Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các điển hình khởi nghiệp và hỗ trợ khởi nghiệp thành công của Thành phố Hồ Chí Minh: áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành mức chi chế độ công tác phí, chế độ tổ chức Hội nghị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 7. Mức chi đối với hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp**

1. Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm ở trong nước, với khu vực và thế giới: áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành mức chi chế độ công tác phí, chế độ tổ chức Hội nghị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó:

a) Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% tổng dự toán kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp: ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao nhiệm vụ.

2. Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, sự kiện khởi nghiệp, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp trong khu vực và trên thế giới.

a) Yêu cầu về trình độ, năng lực của chuyên gia thực hiện theo quy định Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Đối với chuyên gia trong nước: đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức các chương trình kết nối căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc. Mức chi thuê chuyên gia 10 triệu đồng/chuyên gia/chương trình.

c) Đối với chuyên gia nước ngoài: thực hiện theo điểm c, Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 45/2019/TT-BTC.

**Điều 8. Mức chi hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

1. Hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp; sử dụng các dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; sử dụng không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ và tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn ở nước ngoài. Trong đó ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp quốc gia hoặc quốc tế.

2. Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp: nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ. Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ kinh phí ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian hỗ trợ: 01 năm/doanh nghiệp.

Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: 10 doanh nghiệp/năm.

b) Hỗ trợ kinh phí sử dụng dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác, thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ): Mức kinh phí hỗ trợ: 80 triệu đồng/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ 50% kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ; dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ kinh phí ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: 10 doanh nghiệp/năm.

**Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện từ nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách Thành phố.

**Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2023/NQĐ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính  
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật  
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một  
số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số Điều và Biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật;*

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 4600/TTr-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh dự thảo Nghị quyết phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 861/BC-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Ban hành Quy định**

Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2023 ./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về ban hành mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày  
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp  
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ  
phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ  
Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng  
nhân dân tỉnh, thành phố thuộc trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-  
BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí*

và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 4537/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 855/BC-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng nộp phí**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

Nghị quyết này quy định mức phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **2. Đối tượng nộp phí:**

##### **a) Các tổ chức, cá nhân được phép sử dụng tạm thời lòng đường để:**

- Tổ chức các hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội) và điểm trông, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa (trừ các hoạt động văn hóa, điểm trông giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các hoạt động tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước);

- Làm điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị;

- Bố trí điểm trông giữ xe có thu tiền dịch vụ trông giữ xe.

##### **b) Các tổ chức, cá nhân được phép sử dụng tạm thời hè phố để:**

- Tổ chức các hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội) và điểm trông, giữ xe phục vụ các hoạt động văn hóa (trừ các hoạt động văn hóa, điểm trông, giữ xe phục vụ các hoạt động văn hóa theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các hoạt động tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước);

- Làm điểm tổ chức kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa;

- Làm điểm bố trí các công trình, tiện ích phục vụ giao thông công cộng có thu tiền người sử dụng và lắp đặt các công trình tạm trên hè phố, dải phân cách, đảo giao thông;

- Làm điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình;

- Bố trí điểm trông giữ xe có thu tiền dịch vụ trông giữ xe.

c) Trường hợp các tổ chức, cá nhân sử dụng tạm thời lòng đường để đỗ xe ô tô thì áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 03 năm 2018 về việc ban hành mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường để đỗ xe ô tô trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## **Điều 2. Mức thu phí:**

STT	Khu vực	Giá đất bình quân Khu vực (đồng/m <sup>2</sup> )	Mức thu phí cho các hoạt động (trừ hoạt động đỗ xe và trông giữ xe) (đồng/m <sup>2</sup> /tháng)		Mức thu phí cho hoạt động trông giữ xe (đồng/m <sup>2</sup> /tháng)	
			Các tuyến đường Trung tâm	Các tuyến đường còn lại	Các tuyến đường Trung tâm	Các tuyến đường còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Khu vực 1	36.812.169	100.000	50.000	350.000	180.000
2	Khu vực 2	13.659.296	30.000	20.000	100.000	70.000
3	Khu vực 3	8.524.113	20.000	20.000	60.000	60.000
4	Khu vực 4	4.013.724	20.000	20.000	60.000	60.000
5	Khu vực 5	912.000	20.000	20.000	50.000	50.000

Nếu số ngày sử dụng lòng đường, hè phố dưới 15 ngày trong một (01) tháng thì tính nửa tháng. Nếu số ngày sử dụng lòng đường, hè phố từ 15 ngày trở lên trong một (01) tháng thì tính 01 tháng.

- Khu vực 1, gồm: Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 10, quận Phú Nhuận, Khu A Khu đô thị mới Nam Thành phố, Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

- Khu vực 2, gồm: Quận 2 (nay thuộc Thành phố Thủ Đức) (trừ Khu đô thị mới Thủ Thiêm), Quận 6, Quận 7 (trừ Khu A Khu đô thị mới Nam Thành phố), Quận 11, quận Bình Thạnh, quận Tân Bình, quận Bình Tân.

- Khu vực 3, gồm: Quận 8, Quận 9 (nay thuộc Thành phố Thủ Đức), Quận 12, quận Thủ Đức (nay thuộc Thành phố Thủ Đức), quận Tân Phú, quận Gò Vấp.

- Khu vực 4, gồm: Huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Nhà Bè, huyện Củ Chi.

- Khu vực 5, gồm huyện Cần Giờ.

- Các tuyến đường trung tâm là các tuyến đường có giá đất bằng hoặc cao hơn giá đất bình quân khu vực.

- Các tuyến đường còn lại là các tuyến đường có giá đất thấp hơn giá đất bình quân khu vực.

### **Điều 3. Quản lý phí và sử dụng nguồn thu:**

#### **1. Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí:**

Sở Giao thông vận tải tổ chức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường đối với các tuyến đường do Sở Giao thông vận tải quản lý.

Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố đối với các tuyến đường do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

#### **2. Sử dụng nguồn thu:**

Toàn bộ số tiền phí thu được nộp vào ngân sách nhà nước và được sử dụng có mục tiêu phục vụ hoạt động thu phí và công tác quản lý, bảo trì, khai thác lòng đường, hè phố.

Khi xây dựng dự toán thu chi ngân sách nhà nước hàng năm, các đơn vị thu phí căn cứ các quy định và phân cấp ngân sách hiện hành để xây dựng dự toán kinh phí phục vụ công tác thu phí gửi Sở Tài chính cân đối, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bố trí dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.

#### **3. Đăng ký, kê khai, thu, nộp, quyết toán phí:**

Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Chương II Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và quy định của các văn bản liên quan.

#### **4. Công khai chế độ thu phí:**

Thực hiện niêm yết công khai tại địa điểm thu và công khai trên trang thông tin điện tử của các đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí về tên phí, mức thu, phương thức thu và các văn bản quy định thu phí.

#### **5. Thời gian thu phí: Ngày 01 tháng 01 năm 2024.**

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Hội đồng nhân dân Thành phố đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố quan tâm một số vấn đề sau:

a) Chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố; đảm bảo thu đúng, thu đủ, công khai, minh bạch và kịp thời.

b) Ban hành, công bố danh mục các tuyến đường, vỉa hè đủ điều kiện, dự kiến thu phí.

c) Đảm bảo nguồn lực, cách thức tổ chức thực hiện việc thu phí; công tác quản lý, sử dụng hiệu quả đúng mục đích nguồn thu phí; áp dụng giải pháp thu hiện đại và các biện pháp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thu phí nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, không để phát sinh tiêu cực.

d) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thu phí sử dụng tạm thời lòng

đường, hè phố trên địa bàn Thành phố, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định; yêu cầu xử lý nghiêm đối với mọi hành vi vi phạm, không để xảy ra tiêu cực, chiếm dụng lòng đường, vỉa hè trái phép.

đ) Kiểm tra, giám sát trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức trong công tác tổ chức thực hiện thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn quản lý.

e) Tiếp tục nghiên cứu hoàn chỉnh Đề án thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa X, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2023, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án đầu tư theo phương thức  
đối tác công tư trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hóa**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật  
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội  
về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày  
14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật  
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ  
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;*

*Xét Tờ trình số 4564 /TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định quy mô tổng mức đầu tư tối  
thiểu của dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực y tế, giáo  
dục - đào tạo, thể thao và văn hóa; Báo cáo thẩm tra số 753/BC-HĐND ngày 18  
tháng 9 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý  
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến công tác quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Lĩnh vực y tế: Quy mô đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 30 tỷ đồng trở lên.

#### **2. Lĩnh vực giáo dục - đào tạo:**

a) Đối với dự án đầu tư trang thiết bị giáo dục tiếp cận với những tiến bộ khoa học và công nghệ của xã hội: Quy mô đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 5 tỷ đồng trở lên;

b) Đối với dự án đầu tư cơ sở vật chất tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất trong trường học: Quy mô đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 20 tỷ đồng trở lên;

c) Đối với dự án đầu tư xây dựng trường lớp: Quy mô đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên.

#### **3. Lĩnh vực thể thao và văn hóa:**

a) Đối với các thiết chế thể thao và văn hóa do Thành phố quản lý, phục vụ cho các hoạt động thể thao, văn hóa chuyên nghiệp, thành tích cao, các công trình tiêu biểu, mang tầm vóc khu vực, các dự án trọng điểm; cải tạo, nâng cấp, mở rộng các thiết chế thể thao, văn hóa đảm bảo yêu cầu tổ chức các cuộc thi liên hoan, hội diễn, các sự kiện thể thao, văn hóa tầm cỡ quốc tế; hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển hệ thống thiết chế ngành thể thao, văn hóa hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập: Quy mô đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng trở lên.

b) Đối với các thiết chế thể thao và văn hóa do quận, huyện, thành phố Thủ Đức, các phường, xã, thị trấn quản lý, sử dụng, phục vụ cho các hoạt động thể thao, văn hóa quần chúng, phục vụ người dân tập luyện thể dục thể thao, nâng cao sức khỏe cộng đồng, nâng cao đời sống tinh thần; các thiết chế thể thao, văn hóa phục vụ các phong trào do địa phương tổ chức: Quy mô đầu tư dự án có tổng mức đầu tư từ 10 tỷ đồng trở lên.



**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết này:

a) Xác định danh mục dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hóa, trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua trong kỳ họp gần nhất theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội. Hàng năm, tiếp tục rà soát danh mục các dự án cần kêu gọi đầu tư theo hình thức PPP thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hoá trình HĐND Thành phố thông qua đúng quy định.

b) Rà soát về quy trình, thủ tục, hướng dẫn các cơ quan đơn vị (sở, ngành, quận, huyện, thành phố Thủ Đức, phường, xã, thị trấn, các tổ chức, đơn vị có nhu cầu đầu tư...) tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị tư nhân tham gia đầu tư các dự án trên địa bàn Thành phố.

c) Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện gửi Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố (thông qua Ban VH-XH). Kịp thời báo cáo các vấn đề phát sinh trong thực tiễn triển khai thực hiện Nghị quyết để đề xuất các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng  
đất trồng lúa có quy mô dưới 500 ha để thực hiện dự án  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến  
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của  
Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của  
Quốc hội về thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố  
Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số  
01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung  
một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số  
148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung  
một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số  
10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một  
số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của  
Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14  
ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại  
Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 4538/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc quy định trình tự, thủ tục chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa có quy mô dưới 500 ha để thực hiện dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Báo cáo thẩm tra số 848/BC-HĐND-ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định trình tự, thủ tục chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (bao gồm đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng lúa còn lại) có quy mô dưới 500 ha để thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng: áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Điều kiện chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án**

1. Dự án đầu tư có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, dự án đầu tư có trong danh mục kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Có dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

4. Có phương án sử dụng tầng đất mặt và văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật về trồng trọt đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước.

**Điều 3. Đề nghị chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án**

1. Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức có trách nhiệm rà soát, tổng hợp nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân có nhu cầu, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện các thủ tục đề nghị chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

2. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức nơi thực hiện dự án trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đáp ứng điều kiện theo Điều 2 Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức nơi thực hiện dự án phối hợp với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi có đất lấy ý kiến theo quy định sau:

a) Nội dung lấy ý kiến:

- Địa điểm, quy mô sử dụng đất của dự án đầu tư;
- Tác động của việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

b) Hình thức lấy ý kiến:

- Lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa;

- Lấy ý kiến bằng văn bản của các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị khác có liên quan (nếu có) về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án.

c) Thời gian lấy ý kiến: 30 ngày.

d) Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc lấy ý kiến, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức nơi có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi có đất để tổng hợp, giải trình, tiếp thu các ý kiến và lập hồ sơ đề nghị chấp thuận thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Hồ sơ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức đề nghị chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án *(Tờ trình thể hiện các nội dung liên quan đến chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa mẫu 3b và Bảng 02 kèm theo mẫu 3b ban hành theo Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).*

b) Danh mục đề nghị chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa có quy mô dưới 500 ha để thực hiện dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Bản đồ hiện trạng vị trí khu đất hoặc trích lục bản đồ khu vực chuyển mục đích sử dụng đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức;

d) Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý;

đ) Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư; hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

e) Phương án sử dụng tầng đất mặt và văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật về trồng trọt đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất chuyển trồng lúa nước.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định, đánh giá sự phù hợp việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

2. Nội dung thẩm định, đánh giá gồm:

a) Nhu cầu, sự cần thiết của việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa;

b) Sự phù hợp của việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quyết định, phê duyệt và các quy hoạch khác có liên quan;

c) Việc đáp ứng điều kiện và việc tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan khi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

3. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh gồm có:

a) Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án *(Tờ trình thể hiện các nội dung liên quan đến chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo mẫu 3b, Bảng 01, Bảng 02 kèm theo mẫu 3b ban hành theo Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*;

b) Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án (*Tờ trình thể hiện các nội dung liên quan đến chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo mẫu 3c, Bảng 01, Bảng 02 kèm theo mẫu 3c ban hành theo Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

c) Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm rà soát, trình Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án.

2. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

#### **Điều 6. Chấp thuận thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án, hồ sơ gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án (*Tờ trình thể hiện các nội dung liên quan đến chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo mẫu 3c, Bảng 01, Bảng 02 kèm theo mẫu 3c ban hành theo Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

b) Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, chấp thuận thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án theo quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án và chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương án sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về trồng trọt và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức có trách nhiệm tổ chức triển khai việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này được thực hiện cho đến khi Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội hết hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì đối tượng được ưu đãi được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, kỳ họp thứ mười một, thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp  
công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ  
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6  
năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành  
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12  
năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số  
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết  
một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của  
Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của  
Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của  
Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số  
131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính  
quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của  
Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thành phố  
Hồ Chí Minh;*

*Xét Tờ trình số 4581/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân Thành phố về đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính,*

*đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và Báo cáo thẩm tra số 846/BC-HĐND-BPC ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác tại các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; các cá nhân, tổ chức có liên quan đến quy định chức năng, nhiệm vụ các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

#### **Điều 2. Nguyên tắc tổ chức**

1. Bảo đảm bao quát đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và bảo đảm tính thống nhất, thông suốt về quản lý ngành, lĩnh vực công tác.

2. Phù hợp với loại hình tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và điều kiện tự nhiên, dân số, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Thủ Đức và yêu cầu cải cách hành chính nhà nước.

3. Không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn với các tổ chức, đơn vị khác đặt tại thành phố Thủ Đức.

#### **Điều 3. Vị trí của các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

1. Các tổ chức hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành sự lãnh đạo, quản lý về các lĩnh vực phụ trách của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có liên quan theo quy định của pháp luật.



2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, có tài khoản tại kho bạc nhà nước và ngân hàng để giao dịch, hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự quản lý nhà nước, chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; được sự hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có liên quan theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức:

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức: dự thảo quyết định; quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức theo phân công.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao; theo dõi thi hành pháp luật.

3. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

4. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc các lĩnh vực quản lý của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực quản lý của cơ quan chuyên môn cho cán bộ, công chức phường.

6. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

7. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và sở quản lý ngành, lĩnh vực.

8. Kiểm tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

9. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, thực hiện chế độ tiền lương, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật, theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

10. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

11. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức giao hoặc theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Nhiệm vụ của tổ chức hành chính khác trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước hoặc tổ chức thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực theo chức năng được phân công.

2. Tham mưu về công tác quản trị nội bộ của tổ chức.

3. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức giao hoặc theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

Cung cấp dịch vụ công, phục vụ công tác quản lý nhà nước tại thành phố Thủ Đức, cụ thể:

1. Căn cứ chương trình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương để xây dựng kế hoạch hoạt động trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và tổ chức thực hiện kế hoạch theo ngành, lĩnh vực của mình sau khi được phê duyệt.

2. Tổ chức các hoạt động theo chức năng nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

3. Cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân trên địa bàn thành phố Thủ Đức.

4. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức giao hoặc theo quy định của pháp luật.

## Chương II

### CHỨC NĂNG CỦA CÁC TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

**Điều 7. Chức năng của các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

#### 1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Tham mưu, tổng hợp cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về: hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước ở địa phương; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý nhà nước về công tác dân tộc; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; quản lý, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc, phần mềm ứng dụng, hệ thống mạng của Trung tâm Hành chính công; lễ tân đối ngoại.

#### 2. Phòng Nội vụ

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý nhà nước về: tổ chức bộ máy; vị trí việc làm; biên chế và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức phường, những người hoạt động không chuyên trách ở phường, ở khu phố; tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tín ngưỡng, tôn giáo; thi đua - khen thưởng; công tác thanh niên.

#### 3. Phòng Tư pháp

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý; nuôi con nuôi; hộ tịch; chứng thực và các công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

#### 4. Thanh tra

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; thực hiện

nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

#### 5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý nhà nước về: việc làm; giáo dục nghề nghiệp; lao động, tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội.

#### 6. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: chương trình và nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

#### 7. Phòng Y tế

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số.

#### 8. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường gồm: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; đo đạc và bản đồ; biến đổi khí hậu.

#### 9. Phòng Tài chính

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính - ngân sách; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phê duyệt đề án sử dụng tài sản công là nhà, đất vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết của cơ quan hành chính phường, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tư nhân thuộc thành phố Thủ Đức sau khi có ý kiến của Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện nhiệm vụ chỉ nghiên cứu khoa học và công nghệ.

#### 10. Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại; nông nghiệp; thủy sản; phòng chống thiên tai; kế hoạch, đầu tư; thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định quyết định phê duyệt dự án; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức trình Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức

quyết định chủ trương đầu tư; Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định phê duyệt dự án, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và ký kết các hợp đồng dự án đối với các dự án nhóm B, nhóm C đầu tư theo phương thức đối tác công tư được quy định tại Nghị quyết này và pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn thành phố Thủ Đức; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước sử dụng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn thành phố Thủ Đức thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký hợp tác xã; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân theo quy định của pháp luật.

#### 11. Phòng Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo; xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

#### 12. Phòng Khoa học - Công nghệ và Thông tin

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý nhà nước về: hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; phát thanh truyền hình; báo chí; xuất bản; thông tin điện tử; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin; chuyển đổi số trên địa bàn.

#### 13. Phòng Quy hoạch - Xây dựng

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: quy hoạch xây dựng, kiến trúc; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các đồ án trên địa bàn thành phố Thủ Đức thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố, trừ các nội dung đã được quy định tại khoản 7 Điều 9 của Nghị quyết số 98/2023/QH15; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; nhà ở; công sở; vật liệu xây dựng.

#### 14. Phòng Giao thông công chính

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý nhà nước về lĩnh vực: hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị, quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); giao thông.

#### 15. Thanh tra Xây dựng

Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quản lý nhà nước về: thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành; công tác quản lý trật tự



xây dựng, trật tự đô thị; xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; vệ sinh môi trường, trật tự lòng lề đường, nơi công cộng; theo dõi việc thực hiện các quyết định hành chính đã ban hành, đơn đốc thực hiện các quyết định đã có hiệu lực thi hành; đề xuất biện pháp cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn không tự giác chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước về trật tự xây dựng đô thị của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

**Điều 8. Chức năng của tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

Trung tâm Hành chính công là tổ chức hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. Trung tâm Hành chính công có chức năng tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; giải quyết và trả hồ sơ trực tiếp hoặc chuyển hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức giải quyết và nhận kết quả để trả cho cá nhân, tổ chức; theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; thu phí và lệ phí (nếu có) theo quy định; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức công tác cải cách hành chính, thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính, đề xuất các giải pháp cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hành chính.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức quyết định các thủ tục hành chính giải quyết và trả hồ sơ trực tiếp cho các cá nhân, tổ chức.

**Chương III**

**CHỨC NĂNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP  
TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**

**Điều 9. Chức năng của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức**

1. Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và giáo dục phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở; cơ sở giáo dục chuyên biệt Thảo Điền.

Chức năng của các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục thực hiện theo Luật Giáo dục, Điều lệ trường và theo quy định pháp luật chuyên ngành.

2. Trường Trung cấp Đông Sài Gòn: là cơ sở giáo dục nghề nghiệp trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, chịu sự quản lý nhà nước về

giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của cơ quan chủ quản là Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

Chức năng của Trường Trung cấp Đông Sài Gòn được thực hiện theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: thực hiện chức năng tổ chức các hoạt động đào tạo nghề nghiệp ở trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng, hoạt động giáo dục thường xuyên, hoạt động giáo dục hướng nghiệp theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Chức năng của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên được thực hiện theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Trung tâm Y tế thành phố Thủ Đức: cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm, dân số và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

5. Trung tâm Văn hóa - Thể thao thành phố Thủ Đức: phát triển sự nghiệp văn hóa - thể thao; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương; tổ chức, cung ứng dịch vụ công, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ du lịch; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ; nhu cầu hoạt động thể dục, thể thao; nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, thể dục - thể thao của Nhân dân trên địa bàn.

6. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Thủ Đức có chức năng: thực hiện chức năng thay mặt Ủy ban nhân dân làm chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng và các dự án khác sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách khi được giao; tiếp nhận và quản lý sử dụng vốn để đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật; nhận ủy thác quản lý dự án của các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu và có đủ năng lực, nhân lực để thực hiện trên cơ sở đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ quản lý các dự án đã được giao; đầu tư xây dựng các dự án thuộc lĩnh vực dân dụng và công nghiệp (theo chức năng, lĩnh vực chuyên môn của đơn vị) bằng các nguồn vốn huy động theo phương thức xã hội hóa, hợp tác công tư hoặc phương thức khác được pháp luật cho phép; tư vấn xây dựng công trình khi đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật; thực hiện các chức năng khác khi được Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức giao hoặc ủy quyền.

7. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thủ Đức: tạo lập, phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất; tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân;

tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện các dịch vụ khác trong lĩnh vực đất đai.

**Điều 10. Chức năng của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức được thí điểm thành lập**

1. Trung tâm Phát triển hạ tầng kỹ thuật thành phố Thủ Đức: thực hiện chức năng thay mặt Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức làm chủ sở hữu, quản lý khai thác, vận hành, bảo trì liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông đường bộ, hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, hạ tầng thủy lợi và quản lý, bảo trì, khai thác hệ thống công viên, cây xanh đô thị; làm chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thủy lợi và hạ tầng - xã hội, tổ chức thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng mới, công trình nâng cấp, cải tạo mở rộng, quản lý duy tu, sửa chữa đối với các dự án khác liên quan sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. Tổ chức cung cấp các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công theo quy định.

2. Trung tâm An sinh xã hội thành phố Thủ Đức: kết nối, huy động nguồn lực xã hội theo nguyên tắc hiệp lực công tư nhằm hướng đến xây dựng hạ tầng phúc lợi xã hội bền vững; cung cấp dịch vụ phúc lợi cơ bản, đào tạo các kỹ năng cho người yếu thế, người nghèo đô thị, lao động phi chính thức và những người cần được hỗ trợ tại thành phố Thủ Đức; kêu gọi tài trợ, tiếp nhận các nguồn tài trợ tài chính, hiện vật, hàng hóa từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn xã hội hóa từ các nhà tài trợ, tổ chức xã hội và cá nhân trong và ngoài nước; xây dựng, tập huấn và triển khai chiến lược an sinh cho lao động phi chính thức, người yếu thế, người di cư tại thành phố Thủ Đức.

3. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố Thủ Đức: thực hiện chức năng hỗ trợ, kết nối tạo môi trường thuận lợi, hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và ươm tạo các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ đào tạo nhân lực chất lượng cao cho hoạt động đổi mới sáng tạo, xúc tiến đầu tư và khoa học - công nghệ; hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, khối trường, viện, nhà đầu tư và doanh nghiệp hợp tác phát triển các sản phẩm, dịch vụ khoa học - công nghệ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động xúc tiến đầu tư phục vụ xây dựng chính quyền số cho thị trường trong và ngoài nước; cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (không gian làm việc chung, huấn luyện kỹ năng, cố vấn khởi nghiệp, đầu tư khởi nghiệp,...) và là đầu mối phối hợp các tổ chức có liên quan để triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc các chương trình, kế hoạch của thành phố Thủ Đức về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ, công nghệ thông tin và xúc tiến đầu tư.



## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh định kỳ hằng năm.

b) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện tổ chức các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức thực hiện sơ kết sau 01 năm, tổng kết sau 05 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy theo quy định tại Nghị quyết; tổng kết sau 03 năm đối với việc thí điểm thành lập một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố Thủ Đức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X Kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 19 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 9 năm 2023./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Lệ**

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2023/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Bộ Kế*

*hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3283/TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 3 năm 2023 và Công văn số 11738/SKHĐT-VP ngày 07 tháng 9 năm 2023; ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 208/BC-STP-KTrVB ngày 16 tháng 01 năm 2023 và của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2298/TTr-SNV ngày 16 tháng 5 năm 2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Ban hành văn bản**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 10 năm 2023.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

*(Kèm theo Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư phát triển, gồm: quy hoạch Thành phố, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch đầu tư công; cơ chế, chính sách trong các lĩnh vực kinh tế, thu hút nguồn lực đầu tư, cơ cấu lại kinh tế, triển khai mô hình kinh tế mới, phương thức kinh doanh mới, thực hiện điều phối phát triển vùng, liên vùng; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài; đấu thầu; đăng ký kinh doanh trong phạm vi địa phương; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân; tổ chức cung ứng các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

#### **Điều 2. Tư cách pháp nhân**

Sở Kế hoạch và Đầu tư có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách và mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước để

hoạt động theo quy định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có tên giao dịch bằng tiếng Anh là: **DEPARTMENT OF PLANNING AND INVESTMENT OF HO CHI MINH CITY** (viết tắt là: **HCMC D.P.I**)

Trụ sở của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Trụ sở chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư đặt tại số 32 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ sở 2 tại số 90G đường Trần Quốc Toàn, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

#### **Điều 3. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Dự thảo kế hoạch thực hiện quy hoạch Thành phố; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hàng năm của Thành phố, dự kiến kế hoạch bố trí vốn đầu tư công 05 năm và hàng năm nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố; kế hoạch xúc tiến đầu tư, chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm, danh mục dự án thu hút đầu tư của Thành phố; các cân đối chủ yếu về kinh tế - xã hội của Thành phố; trong đó có cân đối vốn đầu tư công; chương trình, kế hoạch thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh của Thành phố; kế hoạch và tình hình thực hiện chương trình các mục tiêu quốc gia; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

2. Dự thảo chương trình hành động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố và chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tháng, quý, 6 tháng, năm và 05 năm để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố điều hành, phối hợp việc thực hiện các cân đối chủ yếu về kinh tế - xã hội của Thành phố.

3. Dự thảo chương trình, kế hoạch sắp xếp, đổi mới phát triển doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước do Thành phố quản lý; cơ chế quản lý đối với doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước; dự thảo chương trình, kế hoạch, đề án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh

ng nghiệp tư nhân (bao gồm chương trình đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo), phát triển hợp tác xã hàng năm và 05 năm trên địa bàn Thành phố; dự thảo kế hoạch cải thiện chỉ số môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

4. Dự thảo các quyết định, chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật, phân cấp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư; dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập của Sở theo quy định của pháp luật.

6. Dự thảo văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định pháp luật về đầu tư; dự thảo danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất; dự thảo yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm; phương án tổ chức thực hiện lựa chọn nhà đầu tư căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm đối với dự án đầu tư có sử dụng đất.

7. Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư cho các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố.

#### **Điều 4. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.

#### **Điều 5. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt.

**Điều 6. Về quy hoạch, kế hoạch**

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch Thành phố; kế hoạch, chính sách, giải pháp, bố trí nguồn lực thực hiện và đánh giá thực hiện quy hoạch Thành phố; tổ chức lấy ý kiến, tổ chức công bố quy hoạch Thành phố; cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý của Thành phố để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; rà soát, đề xuất chủ trương điều chỉnh quy hoạch Thành phố; báo cáo về hoạt động quy hoạch trên địa bàn Thành phố hằng năm; quản lý và điều hành một số lĩnh vực về thực hiện kế hoạch được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

2. Xây dựng, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, cung cấp, khai thác và sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu về quy hoạch Thành phố.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố đề xuất nội dung tích hợp vào quy hoạch Thành phố; giám sát quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 7. Về đầu tư công**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và dự kiến bố trí mức vốn đầu tư công cho từng nhiệm vụ, chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công do Thành phố quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách và quy định của pháp luật về đầu tư công, việc tuân thủ kế hoạch đầu tư công.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công của các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn.

4. Làm đầu mối ứng dụng và triển khai Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công trong hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư công tại Thành phố.

5. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến chương trình, dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật và phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 8. Về quản lý đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài**

1. Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư của Thành phố; hướng dẫn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư đối với các cấp, đơn vị trực thuộc, các dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư.

3. Quản lý hoạt động đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài vào địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật; giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại Thành phố; làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về công tác xúc tiến đầu tư; tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; hướng dẫn thủ tục đầu tư theo thẩm quyền; tiếp nhận, xử lý, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét hồ sơ đề nghị cho phép sử dụng thẻ ABTC của doanh nghiệp có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thu thập, lưu trữ, quản lý thông tin về đăng ký đầu tư; thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu về đăng ký đầu tư vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư; hướng dẫn tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư sử dụng Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư; báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tình hình hoạt động của các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý; tổ chức, giám sát và đánh giá thực hiện chế độ báo cáo đầu tư tại Thành phố.

### **Điều 9. Đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát việc thực hiện chính sách và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

3. Làm thường trực Hội đồng thẩm định cấp cơ sở dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; đầu mối tiếp nhận, thẩm định các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thuộc phạm vi quản lý của Thành phố trong trường hợp được Ủy ban



nhân dân Thành phố giao và thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

4. Làm đầu mối đăng tải văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành; thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời đàm phán, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp các nội dung này được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

5. Chủ trì tham mưu xử lý tình huống trong lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong trường hợp vượt thẩm quyền của Bên mời thầu và được Ủy ban nhân dân Thành phố giao; chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, theo dõi việc thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án trên địa bàn Thành phố; tham gia Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị cấp Thành phố theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

6. Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho cơ quan, đơn vị trực thuộc làm cơ quan ký kết Hợp đồng dự án PPP; ủy quyền cho bên mời thầu phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật.

**Điều 10. Về quản lý vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và các nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài**

1. Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan xây dựng chiến lược, định hướng, kế hoạch vận động, thu hút, điều phối quản lý nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và các nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài của Thành phố; hướng dẫn các Sở, ban, ngành xây dựng danh mục và nội dung các chương trình sử dụng nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và các nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài; tổng hợp danh mục các chương trình dự án sử dụng nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và các nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ

quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Giám sát, đánh giá thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý những vấn đề vướng mắc trong việc bố trí vốn đối ứng, giải ngân thực hiện các dự án ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến nhiều Sở, ban, ngành, cấp huyện và cấp xã; định kỳ tổng hợp báo cáo về tình hình và hiệu quả thu hút, sử dụng nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các nguồn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

3. Chủ trì thẩm định các khoản viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

### **Điều 11. Về quản lý đấu thầu**

1. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu: Thẩm định về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đầu tư; thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đối với đấu thầu hai túi hồ sơ, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân Thành phố là chủ đầu tư.

2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất: Đăng tải danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất; đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo quy định của pháp luật (nếu có); thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp các nội dung này được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

3. Chủ trì tham mưu xử lý tình huống trong đấu thầu đối với gói thầu, dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố; chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát, theo dõi việc thực hiện các quy định của pháp luật về đấu thầu đối với các dự án, dự toán trên địa bàn Thành phố; chủ trì, tổng kết, đánh giá và tổng hợp báo cáo tình hình

thực hiện công tác đấu thầu trên địa bàn Thành phố; thành lập Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị cấp địa phương, đại diện có thẩm quyền của Sở Kế hoạch và Đầu tư là Chủ tịch hội đồng tư vấn và thực hiện các nhiệm vụ khác về đấu thầu được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

## **Điều 12. Về doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh**

1. Tổ chức việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; cấp hoặc từ chối cấp đăng ký doanh nghiệp; hướng dẫn doanh nghiệp và người thành lập doanh nghiệp về hồ sơ, thủ tục, trình tự đăng ký doanh nghiệp; tư vấn, hướng dẫn miễn phí hộ kinh doanh đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp.

2. Hướng dẫn, đào tạo, tập huấn cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh; kiểm tra, giám sát cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh.

3. Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi Thành phố; thu thập, lưu trữ, rà soát và quản lý thông tin về đăng ký doanh nghiệp; thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký doanh nghiệp tại Thành phố vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình đăng ký doanh nghiệp; trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát doanh nghiệp theo nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; xử lý các vi phạm về đăng ký doanh nghiệp; phối hợp với các Sở, ngành kiểm tra, theo dõi, giám sát, tổng hợp tình hình và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm sau đăng ký thành lập của các doanh nghiệp tại Thành phố.

5. Cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi Thành phố quản lý cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và theo quy định về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

6. Đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước và tình hình phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác; chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu của doanh nghiệp nhà nước; đầu mối xây dựng nội dung, đề án, chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn; đầu mối tổ chức triển khai, theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh

ng nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn.

### **Điều 13. Về kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân**

1. Chủ trì tổng hợp, đề xuất và tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân; xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã; hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân và hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh và kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố; xây dựng, tổng kết và nhân rộng mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động hiệu quả, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; tổ chức thực hiện việc đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo thẩm quyền.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giải quyết các vướng mắc về cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh và kinh tế tư nhân có tính chất liên ngành.

3. Đầu mối phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm, xây dựng các chương trình, dự án trợ giúp, thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố.

4. Định kỳ lập báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan về tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân trên địa bàn Thành phố.

### **Điều 14. Các nhiệm vụ khác**

1. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư thuộc phạm vi quản lý của ngành kế hoạch và đầu tư đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố.

3. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ, thực hiện chuyển đổi số phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực được giao.

4. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động của ngành theo quy định của pháp luật.

5. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của văn phòng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

7. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.

8. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao với Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

9. Thực hiện những nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công, phân cấp theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

##### **Điều 15. Chế độ làm việc**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố làm việc theo chế độ thủ trưởng và theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Thành

phố, Giám đốc Sở ban hành Quy chế làm việc của Sở và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy định.

3. Giám đốc Sở chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư phát triển của Thành phố và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công hoặc ủy quyền. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc đúng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết thì Giám đốc Sở phải chủ động phối hợp với thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan để hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý.

4. Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tổ chức, hoạt động của Sở; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân Thành phố; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề trong phạm vi quản lý; phối hợp với thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở.

5. Giám đốc Sở quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển ngạch, xếp lương, nâng lương, điều động, biệt phái, luân chuyển, cho thôi việc, nghỉ hưu, kỷ luật và các nội dung quản lý khác đối với lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc Sở theo quy định.

#### **Điều 16. Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có Giám đốc và 04 (bốn) Phó Giám đốc;

2. Giám đốc Sở là Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố bầu, là người đứng đầu Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo

quy định.

3. Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, là người giúp Giám đốc Sở thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu, thôi việc và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc Sở và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước.

5. Các chức danh lãnh đạo, quản lý khác của Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 17. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển theo quy định của Đảng, Nhà nước và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Người đứng đầu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở (gọi chung là người đứng đầu) chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở, trước pháp luật về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị sự nghiệp công lập được giao phụ trách.

3. Cấp phó của người đứng đầu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở (gọi chung là cấp phó của người đứng đầu) là người giúp người đứng đầu phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở, trước người đứng đầu và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi người đứng đầu vắng mặt, người đứng đầu ủy nhiệm cho một cấp phó điều hành các hoạt động của phòng, đơn vị.

4. Số lượng cấp phó của người đứng đầu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

#### **Điều 18. Cơ cấu tổ chức bộ máy**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có các phòng chuyên môn, nghiệp vụ bao gồm:

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Tổng hợp, Quy hoạch;
- d) Phòng Đăng ký kinh doanh;
- đ) Phòng Kinh tế ngành;
- e) Phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư;
- g) Phòng Kinh tế đối ngoại;
- h) Phòng Khoa giáo, Văn xã;
- i) Phòng Doanh nghiệp, kinh tế tập thể và tư nhân;
- k) Phòng Hợp tác công tư.

2. Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Trung tâm Tư vấn đấu thầu, Hỗ trợ đầu tư và Phát triển doanh nghiệp.

3. Căn cứ vào tính chất, đặc điểm và tình hình thực tế trên địa bàn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập.

4. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể Văn phòng, Thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của Sở khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Đề án trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.



**Điều 19. Biên chế, số lượng người làm việc**

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Sở Kế hoạch và Đầu tư được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

**Điều 20. Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và báo cáo kết quả hoạt động, chương trình, kế hoạch công tác; tham dự đầy đủ các cuộc họp và tập huấn nghiệp vụ do Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư triệu tập.

2. Khi chỉ đạo hoặc hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư phải kịp thời báo cáo và đề xuất để Ủy ban nhân dân Thành phố làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Các kiến nghị của Sở với Bộ Kế hoạch và Đầu tư có liên quan đến chủ trương, chính sách lớn của thành phố, Giám đốc Sở phải xin ý kiến Ủy ban nhân dân Thành phố trước khi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 21. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố, có trách nhiệm báo cáo, trình bày hoặc cung cấp tài liệu cần thiết cho Hội đồng nhân dân Thành phố, trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở.

2. Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình, kế hoạch hoạt động của Sở cho Ủy ban nhân dân Thành phố theo chế độ quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân Thành phố triệu tập; tổ chức thực hiện và

kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân Thành phố về các vấn đề có liên quan do Sở phụ trách.

3. Đối với những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư mà Sở và các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố còn ý kiến khác nhau, Giám đốc Sở báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

### **Điều 22. Đối với các Sở, ban, ngành Thành phố**

1. Phối hợp, tổ chức nghiên cứu, hướng dẫn, xây dựng các phương án tổng hợp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hàng năm; xem xét, thống nhất chọn lựa các chương trình, dự án đầu tư phát triển của ngành, lĩnh vực nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch Thành phố, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong từng thời kỳ; theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện quy hoạch Thành phố, kế hoạch và đầu tư phát triển theo quy định.

2. Phối hợp cung cấp, trao đổi, đánh giá các số liệu thống kê, báo cáo để thực hiện các công tác chuyên môn, nghiệp vụ của Sở; nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình, đặc điểm của Thành phố.

### **Điều 23. Đối với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố**

Phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố phù hợp với quy hoạch Thành phố và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 24. Trách nhiệm thi hành**

1. Căn cứ Quy định này, Giám đốc Sở có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình công tác cho các mặt hoạt động, phối hợp công tác thuộc phạm vi, thẩm quyền của Sở, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Giám đốc Sở chịu trách nhiệm ban hành quy định làm việc của Sở, tổ chức sắp xếp các phòng, đơn vị trực thuộc, bố trí cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu

nhiệm vụ chuyên môn, bảo đảm phát huy tốt hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước mà Sở đã được phân công, phân cấp trên địa bàn Thành phố.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng